

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chiên và bà Nguyễn Thị Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 21/12/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh T 06 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống, ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chín chu làm ăn, hay tụ tập bạn bè chơi bời rồi chửi bới, đánh đuổi chị. Tháng 11/2017 anh chị sống ly thân, từ đó đến nay không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Thị Thu Ph, sinh ngày 20/02/2014, hiện đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ph, anh T nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Nh trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vẫn còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh nhiều lần gặp chị Nh xin lỗi nhưng chị Nh không đồng ý. Chị Nh xin ly hôn anh không đồng ý.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị Nh trình bày. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao cho chị Nh nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu Ph, anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, chị Nh và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T; anh T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh T mãi chơi, không chín chu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, tháng 11/2017 anh chị sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án phối hợp cùng địa phương để làm việc với anh T, anh T trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không ký biên bản. Như vậy, khẳng định anh T không có thiện chí cũng như biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của chị Nh và anh T đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, cho chị Nh ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Nh và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Thị Thu Ph, sinh ngày 20/02/2014, hiện đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị Nh đề nghị được nuôi cháu Ph và anh T nuôi cháu N, anh T đề nghị được nuôi cả hai con chung, cháu N đề nghị được ở cùng anh T, về cấp dưỡng nuôi con cả hai bên đều không yêu cầu.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, song căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tế và để đảm bảo quyền lợi của hai bên thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giao cho chị Nh nuôi dưỡng cháu Ph, anh T nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Nh và anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn T
2. Giao cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu Ph, sinh ngày 20/02/2014; anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/3/2009. Chị Nh, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chị Nguyễn Thị Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0000986 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, chị Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

